TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **170**/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 20/4/2023
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thanh Nga
2. Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 534/2022/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2023/QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1989.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số 100B T, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 101 T, Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. "*Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"*

Bị đơn: Bà **Tạ Yến N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số 100B T, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. "*Vắng mặt".*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2022 và các lời khai tiếp theo như: Bản tự khai; Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày: Ông và bà Tạ Yến N tự nguyện quen biết và chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, (Giấy chứng nhận kết hôn số: 53/2019, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/8/2019). Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, ngoài ra bà N còn lấy tài sản của gia đình đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, khi ông L khuyên can thì vợ chồng lại xảy ra tranh cãi, bà N có lời lẽ không tôn trọng ông và gia đình chồng nên cuộc sống hai bên ngày càng bất hòa và cuộc sống chung không còn hạnh phúc, do đó cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 08/2022 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn và để ổn định cuộc sống nuôi con nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà N.

- Về con chung: Ông L xác nhận quá trình sống chung hai bên có 01 (một) con

chung tên là Nguyễn Hoàng Nguyên P, sinh ngày 26/10/2019. Hiện nay trẻ P đang sống cùng ông L nên ông L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung – Nợ chung: Ông L xác nhận không có nên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Tạ Yến N mặc dù đã được Tòa án tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập lấy lời khai; Thông báo hòa giải và Giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do và không có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến và lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Nguyễn Hoàng L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông L vẫn giữ yêu cầu ly hôn như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L được ly hôn với bà Tạ Yến N.

+ Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hoàng Nguyên P, sinh ngày 26/10/2019 cho ông L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung – Nợ chung: Ông L xác nhận không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn bà Tạ Yến N, qua xác minh tại địa phương thì bà Tạ Yến N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 100B T, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và không có địa chỉ nơi cư trú nào khác. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn bà Tạ Yến N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét, về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà Tạ Yến N với lý do quá trình chung sống giữa vợ chồng có mâu thuẫn,

nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, bà Ng có mâu thuẫn với ông L và gia đình chồng, hai bên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay nên vợ chồng không còn tình cảm, do đó ông L cương quyết ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống và nuôi con. Căn cứ vào lời khai của đương sự cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 53 ngày 28/8/2019 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp đã thể hiện bà Tạ Yến N và ông Nguyễn Hoàng L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà N là hợp pháp. Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú thì bà N vẫn còn hộ khẩu thường trú tại 100B T, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông Nguyễn Hoàng L hiện đang cư ngụ tại nhà cha mẹ ruột ở địa chỉ: 101 T, Phường B, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, điều này thể hiện ông L và bà N thực tế đã không còn sống chung với nhau. Theo kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân cũng như mâu thuẫn vợ chồng của ông L và bà N tại Hội liên hiệp Phụ nữ Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông L và bà N chưa nộp đơn yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải về quan hệ hôn nhân của ông bà nên địa phương không nắm rõ về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, qua nắm bắt thông tin tại nơi cư trú của đương sự thì được biết ông L hiện đang nuôi con chung của ông bà. Điều này cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà ông L cung cấp cho Tòa án như: Đơn thuận tình ly hôn ngày 01/11/2022 có chữ ký của ông L và bà N, tuy nhiên ông L không nộp đơn thuận tình ly hôn được vì sau khi ký đơn thuận tình ly hôn xong thì bà N không cùng ông L đến Tòa để làm thủ tục nộp đơn thuận tình ly hôn, vì thế ngày 11/11/2022 ông L phải làm đơn khởi kiện xin ly hôn đơn phương với bà N; ông L đã cung cấp chứng cứ là nội dung tin nhắn điện thoại trao đổi giữa ông và bà N thì bà N biết việc ông L đang nộp đơn ly hôn với bà tại Tòa án, bà N cũng đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa theo giấy triệu tập. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 4 đã tống đạt và niêm yết hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bà N tại địa phương nơi cư trú, nhưng bà N vắng mặt không lý do và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều này đã thể hiện mối quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà N có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N không có yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L được ly hôn với bà Tạ Yến N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện ly hôn cũng như tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, ông L đều khai nhận ông và bà N chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Hoàng Nguyên P, sinh ngày 26/10/2019, trẻ P hiện đang học ở trường mầm non, ông L là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa đón trẻ đến trường nên khi ly hôn ông L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Căn cứ vào Bản trích lục khai sinh số: 130/TLKS – BS ngày 07/11/2019 của trẻ Nguyễn Hoàng Nguyên P, sinh ngày 26/10/2019 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp đã thể hiện ông Nguyễn Hoàng L và bà Tạ Yến N là cha mẹ của trẻ P. Điều này cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ như: Kết quả xác minh tại địa phương; hình ảnh của trẻ P đang học tại trường mầm non, ông L là người trực tiếp đưa đón trẻ. Xét, ông L đang là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ P, trẻ phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy nhằm đảm bảo cho cuộc sống của trẻ P được ổn định nên tiếp tục giao trẻ P cho ông L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung – Nợ chung: Ông L xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2017 thì ông Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 219, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào Điều 53, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2017.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng L được ly hôn với bà Tạ Yến N, (Giấy chứng nhận kết hôn số 53, do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/8/2019).

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là trẻ Nguyễn Hoàng Nguyên P, sinh ngày 26/10/2019 cho ông Nguyễn Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Tạ Yến N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng bà N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung – Nợ chung: Không có tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009395 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phương Thúy